TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 192 /2024/DS-ST
Ngày 28/8/2024

V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Khang Êban – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 741/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phí Thị Ngọc H, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

+ Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Đức S, sinh năm 1978 (Văn bản ủy quyền ngày 07/11/2023), địa chỉ: Số B đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; hiện đang chấp hành án tại Trại giam A – Bộ C đóng tại xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 25/5/2020 bà Phí Thị Ngọc H có cho ông Phạm Ngọc H2 vay số tiền 23.000.000 đồng bằng hình thức chuyển

khoản vào Số tài khoản 050115420299, chủ tài khoản Phạm Văn H1 tại Ngân hàng TMCP S1. Nay nguyên đơn bà Phí Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Ngọc H2 phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay 23.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, theo đơn bổ sung ngày 07/11/2023 thì bà H2 tạm tính 0,7%/năm.

**** Tại đơn trình bày ngày 04/6/2024 bị đơn ông Phạm Văn H1 khai:***

Ông Phạm Văn H1 và bà Phí Thị Ngọc H có quan hệ vay tiền theo giấy nộp số tiền 23.000.000đồng tại Ngân hàng A1. Khi vay các bên không thỏa thuận tính lãi và mức lãi suất. Nay bà Phí Thị Ngọc H khởi kiện thì ông H có ý kiến như sau: Vào năm 2020 ông H có mua của bà Phí Thị Ngọc H một lô đất tại xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên với số tiền 120.000.000đồng, có giấy tờ mua bán giao tiền đủ cho bà Phí Thị Ngọc H và ký tên, sau đó do bà Phí Thị Ngọc H không bán lô đất nữa, bà Phí Thị Ngọc H đã trả lại trước số tiền 23.000.000đồng, còn thiếu ông H 87.000.000đồng, đến nay bà H không hoàn trả số tiền trên mà khởi kiện là không đúng, giấy tờ mua bán đất có ký tên của bà Phí Thị Ngọc H, ông H đã gửi lên Văn phòng L, tại địa chỉ: Số G đường Y để khởi kiện bà Phí Thị Ngọc H từ tháng 10/2023, nhưng do ông H đi thi hành án nên đã không tiếp tục khởi kiện. Nay ông H làm đơn trình bày đúng sự thật và sẽ gửi lại đơn là giấy tờ mua bán với bà Phí Thị Ngọc H để luật sư đảm nhận.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Phạm Văn H1 phải trả cho bà Phí Thị Ngọc H tổng số tiền nợ gốc là 23.000.000đồng và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

- *Về án phí*: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn là ông Phạm Văn H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số tiền vay: Bà Phí Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Ngọc H2 phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay 23.000.000 đồng và lãi suất 0,7%/ năm kể từ ngày 25/5/2020 cho đến khi trả hết nợ.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn trình bày ngày 04/6/2024 bị đơn ông Phạm Văn H1 thừa nhận có nhận số tiền chuyển khoản là 23.000.000 đồng, tuy nhiên cho rằng không phải là tiền vay mà là tiền chuyển nhượng một lô đất tại xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên, hiện giấy tờ đang lưu giữ tại Văn phòng L, tại địa chỉ: Số G đường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại biên bản xác minh ngày 18/7/2024 và ngày 09/8/2024 thì đại diện Văn phòng luật sư Trí T không nhận hồ sơ của khách hàng nào tên Phạm Văn H1. Tại Đơn trình bày ngày 03/8/2024 thì ông Phạm Văn H1 xác định không lưu giữ giấy tờ liên quan đến nội dung chuyển nhượng đất. Tại bản tự khai ngày 18/7/2024 và ngày 18/8/2024 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không thừa nhận nội dung liên quan đến tiền chuyển nhượng một lô đất tại xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên. Vì vậy, không có căn cứ để xem xét số tiền 23.000.000 đồng có liên quan đến việc chuyển nhượng đất.

Về nội dung giấy nộp số tiền 23.000.000 đồng thể hiện mục đích chuyển tiền là: "Chuyển khoản", không có giấy tờ nào khác thể hiện thời hạn trả nợ và lãi suất, ông Phạm Văn H1 cũng không thừa nhận về lãi suất, vì vậy cần xác định ngày yêu cầu trả nợ là ngày bà H1 làm đơn khởi kiện, ngày 03/8/2023 và căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định lãi suất chậm trả. Tuy nhiên theo đơn bổ sung ngày 07/11/2023 thì bà H1 chỉ yêu cầu mức lãi suất là 0,7%/năm, mức lãi suất này không trái quy định nên cần chấp nhận, cụ thể:

23.000.000đồng x 0,7%/năm x (ngày 03/8/2023 đến ngày 28/8/2024 = 01 năm 25 ngày) = 161.000đồng + 11.181đồng = 172.181đồng.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phí Thị Ngọc H để buộc ông Phạm Văn H1 phải trả số tiền nợ gốc 23.000.000đồng và số tiền lãi chậm trả là 172.181đồng.

[4] Không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 25/5/2020 đến ngày 02/8/2023, cụ thể: 23.000.000đồng x 0,7%/năm x 03 năm 02 tháng 08 ngày = 483.000đồng + 26.833đồng + 3.578đồng = 513.411đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Phạm Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 23.172.181đồng x 5% = 1.158.609đồng. Nguyên đơn bà Phí Thị Ngọc H phải chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần lãi không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phí Thị Ngọc H.

- Buộc ông Phạm Văn H1 phải trả cho bà Phí Thị Ngọc H số tiền nợ gốc là 23.000.000đồng và số tiền lãi chậm trả là 172.181đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 25/5/2020 đến ngày 02/8/2023, với số tiền 513.412đồng.

[2] Về án phí: Bị đơn ông Phạm Văn H1 phải chịu số tiền 1.158.609đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phí Thị Ngọc H phải chịu số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp là 723.650đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0004388 ngày 17/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Phí Thị Ngọc H được nhận lại số tiền 423.650đồng.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP . BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh